

Số: 316/TB-BVYDCT
V/v mời báo giá các trang thiết bị y tế cho
Bệnh viện

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025-2026 từ nguồn quỹ phát triển sự nghiệp với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh – Tổ 5 khu phố Hồng Hà 7, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Nguyễn Đức Việt; Nhân viên phòng Kế hoạch tổng hợp; SĐT: 0968.363.540.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh – Tổ 5, khu phố Hồng Hà 7, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thành phần hồ sơ:

4.1 Bản cứng: Gửi qua đường văn thư hoặc gửi trực tiếp tại đơn vị.

4.2 Bản mềm bao gồm:

+ File Scan của bản cứng

+ File Exel hoặc Docx, Doc của bản cứng (Phục vụ tổng hợp dữ liệu)

Gửi qua email tomuasam.ydctqn@gmail.com của các **Mẫu số 1** và **Mẫu số 2**.

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong giờ hành chính từ ngày 15/5/2026 đến trước ngày 25/5/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

6. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ban hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy điện xung, điện phân	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	04	Máy

2	Máy điều trị bằng sóng xung kích	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
3	Máy siêu âm điều trị	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	07	Máy
4	Máy sắc thuốc (Máy sắc thuốc đóng gói tự động 2 nồi)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	02	Máy
5	Máy tán được liệu	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
6	Máy điều trị sóng ngắn	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
7	Máy laser châm cứu	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	02	Máy
8	Máy điện tim (6 kênh)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
9	Máy điện tim (12 kênh)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
10	Máy giặt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
11	Máy tiệt trùng nhiệt độ cao	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy
12	Máy theo dõi bệnh nhân	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 02 Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế.	01	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị và bàn giao tại Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các thông tin khác:

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến và các thông tin liên quan khác).

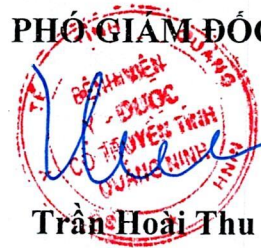
Lưu ý:

1. Nhà cung cấp, hãng sản xuất có thể chào giá một hoặc nhiều mặt hàng.
 2. Bệnh viện xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:
 - Không có đủ thành phần hồ sơ (Bản cứng + bản mềm) hoặc báo giá được ký bởi người không có thẩm quyền;
 - Không cung cấp tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật;
 - Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại.
- Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTH.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Trần Hoài Thu



PHỤ LỤC 01

CÁC YÊU CẦU CHUNG VỀ LẬP BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 316/TB-BVYDCT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh)

STT	Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
1	Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như Mẫu tại Mẫu số 01 .	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
		Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dự trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật **do công ty tự kê khai và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác** của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong **Phụ lục 02** là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu. Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng nhiều đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường những vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả thầu **gần nhất** trong 12 tháng (nếu có) của (các) trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.

- Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.

- Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện, dịch vụ kỹ thuật cần thiết để hoàn thành lắp đặt dựa vào sử dụng nhưng trong yêu cầu kỹ thuật chưa có, công ty có thể chào thêm ở phần tùy chọn, số lượng cụ thể.

- Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện (tiêu hao hoặc định kỳ thay thế); gói dịch vụ kỹ thuật để duy trì hoạt động thường xuyên trong thời gian khấu hao máy theo quy định. Công ty chào Bệnh viện tham khảo.



Mẫu số 01. Bảng đáp ứng kỹ thuật

(Kèm theo Thông báo số: 316/TB-BVYDCT ngày 15 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện Y
được cổ truyền tỉnh Quảng Ninh)

BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ

Yêu cầu mời chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 02)	Thông số kỹ thuật chào giá		Tham chiếu
.....	Đáp ứng/ Không đáp ứng	- Nếu đáp ứng: Nêu chính xác thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hóa. - Nếu không đáp ứng: Nêu rõ thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hóa trong kèm theo thuyết minh/lý giải. - Trường hợp có công nghệ/giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể. Thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh.	Nhà thầu tham chiếu, chứng minh tính năng đáp ứng tại catalog (Ghi rõ trang hoặc đoạn mô tả)

Mẫu số 2
BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: [ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của. [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên

thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



PHỤ LỤC 02

Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế
(Kèm theo Thông báo số: 316/TB-BVYDCT ngày 15 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh)

STT	Danh mục và tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản
1	Máy điện xung, điện phân
	I. Thông tin chung
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, MDR hoặc tương đương
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc nhóm G7
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Cáp điện cực: 02 cái
	Điện cực cao su kèm đai thắt : 02 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Số kênh điều trị: ≥ 2 kênh
	Màn hình cảm ứng màu, kích thước ≥ 7 inch
	Các dạng dòng điện tối thiểu: Dòng Galvanic, Dòng Diadynamic, Dòng cao áp, Dòng trung tần, Dòng điện giao thoa, Dòng mô phỏng vi mô, Dòng chữ nhật tần số thấp
	Có chương trình cài đặt sẵn
	Dòng điện Galvanic: ≥ 40 mA
	Dòng Diadynamic: ≥ 20 mA
	Dòng điện cao áp: ≥ 250 mA
	Dòng trung tần: ≥ 80 mA/80 V
	Dòng giao thoa: 100 mA
	Dòng mô phỏng vi mô: ≤ 2 mA
	Dòng sóng hình chữ nhật tần số thấp: ≥ 60 mA
	Lưu dữ liệu: Bộ nhớ hoặc thẻ SD
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
2	Máy điều trị bằng sóng xung kích
	I. Thông tin chung
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, MDR hoặc tương đương
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc nhóm G7 hoặc EU

	II. Cấu hình
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Đầu phát xung kích: ≥ 01 cái
	Bộ các đầu bắn: ≥ 01 bộ
	Xe đặt máy: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Công nghệ: điện từ gia tốc hoặc tương đương
	Màn hình LCD cảm ứng, kích thước ≥ 7 inch
	Mức năng lượng: ≤ 60 mJ - ≥ 185 mJ
	Tần số điều trị: ≤ 1 Hz - ≥ 22 Hz
	Có chương trình điều trị cài đặt sẵn trong máy
	Lưu dữ liệu: Bộ nhớ hoặc thẻ SD
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
3	Máy siêu âm điều trị
	I. Thông tin chung
	Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc nhóm G7
	II. Cấu hình yêu cầu
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Đầu phát: ≥ 02 cái
	Xe đặt máy: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 Bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Màn hình LCD cảm ứng hoặc tương đương, kích thước ≥ 6 inch
	Số kênh: ≥ 1 kênh độc lập
	Tần số siêu âm: ≥ 2 tần số
	Chế độ phát: Liên tục và xung
	Cường độ liên tục cực đại: ≥ 2 W/cm ² $\pm 20\%$
	Cường độ xung cực đại: ≥ 3 W/cm ² $\pm 20\%$
	Thời gian điều trị tối đa: ≥ 30 phút
	Có giao thức cài đặt sẵn
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.

	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
4	Máy sắc thuốc (Máy sắc thuốc đóng gói tự động 2 nồi)
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Van phun: 01 cái
	Van xả: 01 cái
	Bảng điều khiển sắc thuốc cho 2 nồi riêng biệt: 02 cái
	Bánh xe có khoá bánh: ≥ 04 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Sắc thuốc và đóng túi trên cùng một hệ thống
	Dung tích tổng: $\geq 50L$
	Công suất: ≥ 5.8 kW
	Tốc độ đóng túi tối đa: ≥ 12 túi/phút
	Dung tích đóng gói tối đa: ≥ 250 ml
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
5	Máy tán dược liệu
	I. Thông tin chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 1 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Công suất làm việc: $\geq 50kg/1$ giờ
	Vật liệu chế tạo: Inox 304 hoặc tương đương
	Tốc độ trục chính: 4500 vòng/ phút
	Độ mịn nguyên liệu ra tối đa: ≥ 120 mesh
	Công suất động cơ: ≥ 4 Kw
	IV. Yêu cầu khác

	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
6	Máy điều trị sóng ngắn
	I. Thông tin chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc EU
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Đầu phát sóng ngắn kèm tay đỡ: 02 cái
	Cáp cho sóng ngắn: 02 cái
	Đèn test sóng: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Chức năng kiểm soát bởi bộ vi xử lý hoặc màn hình hiển thị số hoặc tốt hơn
	Chế độ hoạt động: ≥ 2 chế độ
	Tần số: $27.12 \text{ MHz} \pm 0.6 \%$
	Công suất phát: $\geq 400 \text{ W}$ trong chế độ liên tục , $\geq 1000 \text{ W}$ trong chế độ xung (đỉnh)
	Thời gian xung: $\geq 400 \mu\text{s}$
	Tần số xung có thể điều chỉnh được
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
7	Máy laser châm cứu
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
	II. Cấu hình
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Đầu laser châm: ≥ 10 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Thông số kỹ thuật
	Sử dụng bước sóng laser: $\geq 630 \text{ nm}$

	Màn hình LCD hoặc tương đương
	Điều khiển bằng vi xử lý hoặc tương đương
	Chế độ phát: Liên tục hoặc xung
	Công suất laser: $\geq 6\text{mW}$
	Thời gian điều trị tối đa: ≥ 60 phút
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
8	Máy điện tim (6 kênh)
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ, trong đó bao gồm:
	Dây nguồn: 01 cái
	Dây cáp điện cực: 01 cái
	Điện cực kẹp chi: 01 bộ
	Điện cực ngực: 01 bộ
	Giấy ghi điện tim: 01 cuộn
	Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Đạo trình ECG: 12 đạo trình
	Màn hình LCD màu cảm ứng, kích thước ≥ 7 inch
	Hiển thị báo động
	Trở kháng đầu vào $\geq 2,5\text{ M}\Omega$
	Độ phân giải A/D: ≥ 16 bit
	Tốc độ lấy mẫu A/D: ≥ 8.000 mẫu/giây/kênh
	Có các bộ lọc tần số
	Giao diện truyền dữ liệu: USB, Cổng LAN
	Phát hiện cảnh báo: nhịp tim (HR), tuột điện cực, pin yếu
	Bộ nhớ dữ liệu: ≥ 1000 bản ghi
	Có khả năng kết nối HIS
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.

NH
 VIỆN
 UỐC
 EN TI
 NINH

	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
9	Máy điện tim (12 kênh)
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ bao gồm:
	Cáp nối điện tim: 01 cái
	Bộ điện cực chi: 01 bộ
	Bộ điện cực trước ngực: 01 bộ
	Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái
	Pin sạc tích hợp trong máy: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Đạo trình ECG: 12 đạo trình
	Kênh ghi: 3 kênh, 6 kênh, 12 kênh
	Màn hình LCD kích thước ≥ 7 inch
	Hiển thị báo động
	Trở kháng đầu vào: $\geq 2,5 \text{ M}\Omega$
	Độ phân giải A/D: ≥ 16 bit
	Tỷ lệ lấy mẫu A/D: ≥ 8.000 mẫu/giây
	Có các bộ lọc tần số
	Giao diện truyền dữ liệu: USB, Cổng LAN
	Phát hiện cảnh báo: nhịp tim (HR), tuột điện cực, pin yếu
	Bộ nhớ dữ liệu: ≥ 1000 bản ghi
	Có khả năng kết nối HIS
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
10	Máy giặt
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc ISO 14001
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU)
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Bộ phụ kiện lắp đặt điện nước đảm bảo thiết bị đưa vào sử dụng được: 01 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ

	III Tính năng thông số kỹ thuật
	Lồng giặt bằng thép không gỉ hoặc tốt hơn
	Công suất giặt: ≥ 35 kg
	Thể tích lồng giặt: ≥ 320 lít
	Chiều sâu lồng giặt: ≥ 520 mm
	Tốc độ giặt: ≥ 45 vòng/phút
	Tốc độ vắt: ≥ 450 vòng/phút
	Độ ồn ≤ 70 dB
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
11	Máy tiệt trùng nhiệt độ cao
	I.Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 14001, CE hoặc tương đương.
	Điện áp làm việc: Sử dụng điện áp tại Việt Nam
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc G7
	II. Cấu hình cung cấp
	Bộ bình sinh hơi tích hợp: 01 bộ
	Máy in tích hợp: 01 bộ
	Máy nén khí tích hợp: 01 bộ
	Bơm tăng áp: 01 bộ
	Máy hút chân không tích hợp: 01 bộ
	Bộ làm mềm nước bằng điện từ trường chống đóng cặn canxi tích hợp: 01 bộ
	Cuộn phát từ trường làm mềm nước tích hợp: 02 cuộn
	Bộ giá hấp có bánh xe: 01 Bộ
	Xe đẩy vận chuyển đồng bộ với giá hấp: 01 Bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Hiển thị các thông số trên màn hình LCD và cho phép người sử dụng điều khiển bằng cách chạm vào các thao tác trên màn hình.
	Có khả năng kết nối với máy tính và nâng cấp phần mềm
	Buồng tiệt trùng
	Dung tích: ≥ 510 lít
	Chất liệu thép inox SUS 304, chiều dày ≥ 5 mm hoặc tốt hơn
	Dải nhiệt độ làm việc của buồng tiệt trùng: ≤ 100 độ C đến ≥ 136 độ C
	Có đồng hồ đo áp suất riêng biệt

	Buồng sinh hơi
	Nồi hơi có thể xả đáy tự động
	Chất liệu thép inox SUS 304, chiều dày ≥ 5 mm hoặc tốt hơn
	Nhiệt độ làm việc từ ≤ 143 độ C đến ≥ 148 độ C
	Tự động cung cấp nước
	Có đồng hồ đo và điều khiển áp suất
	Có van an toàn bảo vệ
	Loại cửa: 1 cửa trượt
	Làm bằng chất liệu inox SUS 304 hoặc tốt hơn
	Cửa trượt lên xuống hoàn toàn tự động
	Vận hành đóng/mở cửa bằng xi lanh khí nén tích hợp bộ điều chỉnh tốc độ
	Bộ làm mềm bằng điện từ trường chống đóng cặn canxi
	Nguồn cung cấp: 220VAC/50Hz
	Công suất: ≥ 15 W
	Tần số biến đổi liên tục: ≤ 2.2 kHz – ≥ 22 kHz
	Điện áp ra cuộn phát từ trường: ≥ 12 VAC
	Cổng ra kết nối với cuộn phát từ trường: ≥ 02 cổng
	Tự động bảo vệ khi quá tải
	Chương trình tiệt trùng
	Nhiệt độ tiệt trùng theo chương trình cài đặt sẵn: 121 độ C đến 136 độ C tương đương áp suất làm việc buồng tiệt trùng 1.1 kgf/cm ² đến 2.4 kgf/cm ²
	Có chương trình tiệt trùng tự động được cài đặt sẵn
	Có chương trình cài đặt theo yêu cầu người sử dụng tùy ý lựa chọn
	Màn hình hiển thị
	Cảm ứng, kích thước ≥ 10 inches
	Hệ thống an toàn
	Tự động kiểm tra phát hiện các lỗi và phát ra cảnh báo
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa
12	Máy theo dõi bệnh nhân
	I. Yêu cầu chung
	Thiết bị mới 100%, được sản xuất năm 2025 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
	Xuất xứ máy chính: Các nước thuộc nhóm G7
	II. Cấu hình cung cấp
	Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ
	Bộ phụ kiện đo ECG cho người lớn: 01 bộ

	Bộ phụ kiện đo nhiệt độ: 01 bộ
	Bộ phụ kiện đo SpO2 dành cho người lớn: 01 bộ
	Cảm biến SpO2 dành cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
	Bộ phụ kiện đo huyết áp dành cho người lớn: 01 bộ
	Bao đo huyết áp trẻ em: 01 chiếc
	Bộ phụ kiện đo NIBP : 01 bộ
	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
	III. Tính năng thông số kỹ thuật
	Các thông số đo bao gồm: Điện tim, nhịp thở, SpO2, nhiệt độ, huyết áp không xâm lấn (NIBP)
	1. Màn hình hiển thị
	Màn hình màu LCD/TFT kích thước ≥ 12 inch
	Số dạng sóng hiển thị đồng thời trên màn hình: ≥ 10 dạng sóng
	2. Các thông số đo
	2.1. Điện tim (ECG)
	Dải đo nhịp tim từ ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút
	Độ chính xác: $\leq \pm 2\%$
	Cài đặt được giới hạn báo động nhịp tim
	2.2. Nhịp thở
	Dải đo từ 0 đến ≥ 120 nhịp/phút
	Sơ sinh: 0 đến ≥ 120 nhịp/phút
	Độ chính xác: $\leq \pm 3$ nhịp/phút
	Cài đặt được giới hạn báo động nhịp thở
	2.3. Nồng độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)
	Dải đo từ 0 đến 100%
	Độ chính xác: $\leq \pm 3\%$
	Nhịp mạch: $\leq 30 - \geq 300$ nhịp/phút
	Cài đặt được giới hạn báo động SpO2, nhịp mạch
	2.4. Huyết áp không xâm lấn (NIBP)
	Phương pháp đo: dao động kế
	Dải đo: $\leq 10 - \geq 200$ mmHg
	Độ chính xác : $\leq \pm 8$ mmHg
	Nhịp mạch: $\leq 40 - \geq 200$ nhịp/phút
	Cài đặt được giới hạn cảnh báo huyết áp
	2.5. Nhiệt độ
	Dải đo: ≤ 25 đến ≥ 45 độ C
	Độ chính xác: $\leq \pm 0,3$ độ C
	Cài đặt được giới hạn báo động nhiệt độ
	3. Cổng giao tiếp
	Cổng RJ45 Interface hoặc cổng RS232 Serial
	4. Đầu ghi nhiệt

	Số kênh: ≥ 3 kênh
	Tốc độ in: 25mm/s
	5. Pin hoặc ắc quy
	Thời gian làm việc ≥ 2 giờ
	IV. Yêu cầu khác
	Thiết bị được bảo hành ≥ 12 tháng kể từ thời điểm nghiệm thu.
	Cam kết linh kiện thay thế và sửa chữa: Đảm bảo 8 năm sau bảo hành.
	Cam kết hướng dẫn đào tạo vận hành thành thạo cho bác sỹ, đào tạo bảo dưỡng, sửa chữa cho cán bộ kỹ thuật./.
	Cung cấp giấy chứng nhận chất lượng (CQ), xuất xứ (CO) của thiết bị khi bàn giao hàng hóa